

Bản án số: 92/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 31/ 12 /2021.

"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa

Bà Lê Thị Thân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thủy; chức vụ: kiểm
sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng,
tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số:
401/HNGĐ-ST, ngày 09 tháng 11 năm 2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
118/2021/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Vũ Minh H (V), sinh năm 1992

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh P.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư: Nguyễn Thành K, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và quá trình thụ lý vụ án, lời khai tại
phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Minh H trình bày:*

Chị Vũ Minh H và anh Nguyễn Thanh B tự nguyện chung sống từ năm 2013
nhưng không đăng ký kết hôn do chị H đang có chồng nhưng chưa ly hôn, trong thời
gian chung sống với anh B không mấy hạnh phúc, sống ly thân nhiều lần, gần đây nhất
là từ tháng 10/2020 liên tục đến nay. Hiện nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết công
bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày
24/9/2014, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, tại phiên tòa chị H không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

Tài liệu chứng cứ chị H đã nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày : Anh B và chị H tự nguyện chung sống từ cuối năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn, do chị H ở xa nên không xác nhận độc thân được để làm thủ tục kết hôn, tại thời điểm chung sống anh B không biết chị H đã có chồng mà chưa ly hôn, đến tháng 7/2019 anh B về quê chị H tại tỉnh L mới biết chị H có chồng chưa ly hôn, có con riêng; từ đó cuộc sống của anh chị không hạnh phúc, sống ly thân từ năm 2020 liên tục đến nay; nay anh B đồng ý yêu cầu Tòa án công bố không công nhận quan hệ giữa anh B và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2014, anh B có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, trong thời gian ly thân anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tài liệu, chứng cứ anh B đã giao nộp như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không nộp gì thêm.

Quan điểm của Luật sư nguyên Thành K cho rằng: Chị H và anh B tự nguyện chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, hiện nay cả chị H và anh B đều đồng ý công bố không công nhận quan hệ vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung anh B, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2014; hiện nay cả anh B và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Qua các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp thì cả chị H, anh B đều có điều kiện nuôi con, cháu T là con gái nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu cho chị H nuôi dưỡng để cháu có điều kiện phát triển tốt hơn về tâm sinh lý giới tính; trường hợp Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng thì đề nghị tuyên quyền thăm con của chị H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Minh H và anh Nguyễn Thanh B; về con chung giao cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Minh H và anh Nguyễn Thanh B, tự nguyện chung sống từ năm 2013 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ giữa chị H và anh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh

quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong thời gian chung sống do xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xô sát, mất tình cảm, sống ly thân; hiện nay chị H và anh B đều đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh B. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vũ Minh H và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2014; cả chị H và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi cháu thành niên và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy cả chị H và anh B đều có nghề nghiệp, có thu nhập khá ổn định. Về điều kiện sinh hoạt hiện nay phía chị H thuê ki ốt diện tích sử dụng 50m2 để mở tiệm chăm sóc da, spa và cũng là chỗ để chị sinh hoạt, nghỉ ngơi hàng ngày, ngoài ra chị H còn có trách nhiệm nuôi dưỡng 01 con riêng là cháu Trần Việt G, sinh năm 2010; phía anh B hiện đang chung sống cùng cha mẹ ruột, có chỗ ở ổn định, trong thời gian anh B, chị H ly thân cháu T chung sống cùng anh B; qua lời khai của cháu T trình bày thì cháu ở với ai cũng được. Xét về điều kiện sinh hoạt thì phía anh B có điều kiện tốt hơn và để cháu T tiếp tục ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập cần chấp nhận yêu cầu của anh B, giao cháu T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về việc cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Luật sư Nguyễn Thành K: có căn cứ chấp nhận một phần.

Nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Minh H. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vũ Minh H và anh Nguyễn Thanh B là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/9/2014 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4]. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị H phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000091, ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã N
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh